TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 46/2018/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 19 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 39/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2018 giữa:

- Người yêu cầu: Ông **Nguyễn Hữu T,** sinh năm: 1978;

Trú tại: Tổ 56, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng.

- Người yêu cầu: Bà **Trần Thị Tân T**, sinh năm: 1979;

Trú tại: Tổ 56, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Tân T. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số: 01 do UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng ký ngày 11/8/2003 đã cấp cho ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Tân T không còn giá trị pháp lý)*.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Tân T thống nhất thuận tình ly hôn;

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Tân T xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu Minh H, sinh ngày: 10/10/2006 và cháu Nguyễn Trần Mỹ D, sinh ngày: 23/10/2004. Ly hôn, ông T và bà T thỏa thuận thống nhất giao cháu Nguyễn Trần Mỹ D cho bà Trần Thị Tân T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hữu Minh H cho ông Nguyễn Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông T, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con;

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Tân T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có;

- Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông T, bà T thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 008621 ngày 29/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điêu 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- UBND phường A;
- Lưu hồ sơ.

PHÙNG ANH DŨNG